

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2007 - 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2005/QH11 ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội và ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 543/UBTVQH11 ngày 31 tháng 7 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước áp dụng cho giai đoạn 2007 - 2010.

Điều 2. Các tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương; dự toán chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối tổng mức chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định này;

- Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về đơn vị hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện có, số đơn vị hành chính miền núi; vùng cao, hải đảo; biên giới gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 9 năm 2006. Thông báo định kỳ 6 tháng 1 lần về số huyện, xã được thành lập mới hoặc chia tách cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về dân số, số người dân tộc thiểu số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2006 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 9 năm 2006;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về tỷ lệ hộ nghèo năm 2006 của các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 9 năm 2006.

Điều 4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển kèm theo Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương xây dựng các nguyên tắc tiêu chí phân bổ chi đầu tư phát triển cho ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC NGUYÊN TẮC TIÊU CHÍ
VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN
THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2007 - 2010

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC BỘ,
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Trên cơ sở tổng mức vốn được Quốc hội phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành phân bổ vốn cho các công trình dự án cụ thể. Việc phân bổ vốn cho các công trình, dự án phải được thực hiện trên các nguyên tắc sau:

- Thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước chỉ bố trí cho các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp;

- Các công trình dự án phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành đề ra;

- Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt; có đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng;

- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Ưu tiên bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia và các dự án lớn khác, các công trình, dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch, vốn đối ứng cho các dự án ODA; đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 4 năm, dự án nhóm C không quá 2 năm; không bố trí vốn cho các dự án khi chưa xác định được rõ nguồn vốn;

- Phải dành đủ vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư phát triển.

II. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRONG CÂN ĐỐI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Nguyên tắc xác định các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các địa phương

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước các tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2007, là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, được ổn định trong 4 năm của giai đoạn 2007 - 2010;

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của cả nước, các vùng kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước;

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển;

- Mức vốn đầu tư phát triển trong cân đối của từng địa phương không thấp hơn số dự toán năm 2006 Thủ tướng Chính phủ đã giao.

2. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các địa phương

- Tiêu chí dân số gồm 2 tiêu chí: số dân của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và số người dân tộc thiểu số;

- Tiêu chí về trình độ phát triển gồm 3 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm khoản thu về đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương;

- Tiêu chí diện tích tự nhiên của các tỉnh, thành phố;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính: bao gồm 4 tiêu chí số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; vùng cao, hải đảo và biên giới của từng tỉnh, thành phố;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

- + Tiêu chí thành phố đặc biệt: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;
- + Tiêu chí các thành phố trực thuộc Trung ương: Hải phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ;
- + Tiêu chí thành phố loại I thuộc tỉnh: thành phố Huế (Thừa Thiên - Huế);
- + Tiêu chí các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm phát triển của vùng và tiểu vùng.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số: bao gồm tổng số dân số và số người dân tộc thiểu số kế hoạch năm 2006. Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí dân số

Số dân	Điểm
100.000 người	1
Dưới 500.000 người	5

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
100.000 người	1

Dân số của các tỉnh, thành phố để tính toán điểm sẽ được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2005 nhân với tốc độ tăng dân số bình quân của cả nước. Địa phương nào có tốc độ tăng dân số cao hơn cả nước sẽ chỉ được tính điểm bằng mức tăng chung.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: bao gồm 3 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết và thu dầu thô) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương của các tỉnh, thành phố.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn mới)	Điểm
10% tỷ lệ hộ nghèo	1

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2006.

- Điểm của tiêu chí thu nội địa

Thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết và thu từ dầu thô)	Điểm
Dưới 200 tỷ đồng	0,2
Từ 200 đến dưới 500 tỷ đồng, cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,2
Từ 500 đến dưới 1.000 tỷ đồng, cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,4
Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 4.000 tỷ đồng, cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,7
Từ 4.000 tỷ đồng đến dưới 8.000 tỷ đồng, cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1
Từ 8.000 tỷ đồng đến dưới 15.000 tỷ đồng, cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1,3
Từ 15.000 tỷ đồng đến dưới 25.000 tỷ đồng, cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1,6
Từ 25.000 tỷ đồng trở lên, cứ 100 tỷ đồng được tính thêm	2

Số thu nội địa (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, xổ số và dầu thô) được xác định căn cứ số thu kế hoạch năm 2006.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương

Tỷ lệ điều tiết	Điểm
Dưới 5%, cứ 1% điều tiết về ngân sách trung ương	1
Từ 5% đến dưới 60%, cứ 1% điều tiết về ngân sách trung ương	1,5
Từ 60% đến dưới 70%, cứ 1% điều tiết về ngân sách trung ương	2
Từ 70% trở lên, cứ 1% điều tiết về ngân sách trung ương	5,5

Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương căn cứ tỷ lệ điều tiết trong thời kỳ ổn định 2004 - 2006.

c) Tiêu chí diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên	Điểm
Dưới 200 nghìn ha	3
Từ 200 nghìn đến dưới 500 nghìn ha, cứ tăng thêm 100 nghìn ha được thêm	0,3
Từ 500 nghìn đến dưới 1.000 nghìn ha, cứ tăng thêm 100 nghìn ha được thêm	0,2
Từ 1.000 nghìn ha trở lên, cứ 100 nghìn ha tăng thêm được thêm	0,1

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
Từ 8 huyện trở xuống	3
Từ 9 huyện trở lên, cứ mỗi huyện tăng thêm	0,1

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
1 huyện	0,2

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
1 huyện	0,2

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
1 huyện	0,2

Số đơn vị cấp huyện căn cứ theo số liệu của Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc.

đ) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
Thành phố đặc biệt: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh	40
Thành phố trực thuộc Trung ương: Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ	30
Thành phố loại I trực thuộc tỉnh: thành phố Huế	6
Tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm	6
Trung tâm phát triển vùng và tiểu vùng (Sơn La, Thái Nguyên, Nam Định, Nghệ An, Khánh Hòa, Đắk Lắk)	6

Các tỉnh, thành phố có đầy đủ các yếu tố trên chỉ được hưởng số điểm cao nhất của một trong các tiêu chí trên như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh chỉ được hưởng số điểm của tiêu chí thành phố đặc biệt không được hưởng thêm điểm của tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương và vùng trọng điểm.

4. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng tỉnh, thành phố và tổng số điểm của 64 tỉnh, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của tỉnh thứ i là A_i ;

+ Gọi số điểm của dân số tỉnh thứ i là h_i ;

+ Gọi số điểm của số dân tộc thiểu số tỉnh thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số tỉnh thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của tỉnh thứ i là B_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo tỉnh thứ i là l_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu về đất) tỉnh thứ i là m_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương là n_i .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển tỉnh thứ i sẽ là:

$$B_i = l_i + m_i + n_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích

Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của tỉnh thứ i là C_i .

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện chung tỉnh thứ i là o_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện huyện miền núi tỉnh thứ i là p_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo tỉnh thứ i là q_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới tỉnh thứ i là r_i ;

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính tỉnh thứ i sẽ là D_i :

$$D_i = o_i + p_i + q_i + r_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung

+ Gọi số điểm của tiêu chí thành phố đặc biệt thứ i là E_i ;

+ Gọi số điểm của thành phố trực thuộc Trung ương là F_i ;

+ Gọi số điểm của thành phố loại I trực thuộc tỉnh là T_i ;

+ Gọi số điểm của tỉnh, thành phố vùng trọng điểm, trung tâm phát triển vùng và tiểu vùng là V_i .

Tổng số điểm của tỉnh thứ i là X_i , ta có:

$$U_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i + F_i + T_i + V_i$$

- Tổng số điểm của 64 tỉnh, thành phố là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{64} U_i$$

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu chuyển quyền sử dụng đất).

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn trong cân đối của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi X_i là số vốn trong cân đối:

$$X_i = Z \times U_i$$

5. Điều chỉnh những bất hợp lý sau khi phân bổ vốn đầu tư trong cân đối theo các tiêu chí và định mức trên, để bảo đảm nguyên tắc vốn đầu tư của năm 2007, năm đầu thời kỳ ổn định không thấp hơn dự toán năm trước Thủ tướng Chính phủ đã giao.

Với số vốn trong cân đối được tính toán từ các tiêu chí định mức nêu trên, đối với các địa phương có số vốn thấp hơn kế hoạch năm 2006 (theo số Thủ tướng Chính phủ giao) sẽ được điều chỉnh không thấp hơn số dự toán năm 2006.

6. Đối với đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Đối với các khoản đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: ngân sách địa phương sử dụng toàn bộ khoản thu này để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương và tạo nguồn vốn để giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển.

III. CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

1. Các chương trình mục tiêu quốc gia: trong giai đoạn 2006 - 2010, Thủ tướng Chính phủ đã cho ý kiến để trình Quốc hội 10 chương trình mục tiêu quốc gia sau:

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm (Bộ Công An quản lý);
Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy (Bộ Công An quản lý);

Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS (Bộ Y tế quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm (Bộ Y tế quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình (Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa (Bộ Văn hóa - Thông tin quản lý); Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý).

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành khẩn trương tổ chức xây dựng nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006 - 2010 báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình Quốc hội phê duyệt trong kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI tới. Năm 2007 tiếp tục thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn như năm 2006 đã trình Quốc hội. Căn cứ các chương trình mục tiêu quốc gia cho giai đoạn 2006 - 2010 được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các Bộ, ngành quản lý chương trình nêu trên (cơ quan được giao chủ trì phân bổ vốn của các chương trình) sẽ xây dựng tiêu chí và định mức phân bổ cụ thể báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Đầu tư bổ sung có mục tiêu để phát triển kinh tế các vùng theo các Nghị quyết của Bộ Chính trị và của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: đầu tư theo Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên; Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long; hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế xã hội các địa phương theo Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị đối với vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị; hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Hồng theo Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị.

- Đối tượng đầu tư:

+ Công trình giao thông: đường liên huyện, liên xã; đường vào trung tâm các xã

chưa có đường ô tô (ngoài phần đầu tư bằng nguồn trái phiếu); đường vào vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; các đường ven biển phục vụ phát triển kinh tế và dân sinh;

+ Công trình thủy lợi: xây dựng mới, nâng cấp và sửa chữa các hồ đập, kênh dẫn, trạm bơm để cấp nước sản xuất và sinh hoạt; các kè, đê, đập ngăn sóng, chống lũ, chống lở, ngăn mặn, ưu tiên trước hết cho những công trình phòng, chống và hạn chế thiệt hại do bão, lũ lụt, hạn hán gây ra. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn: các loại giống cây, giống con; hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề phi nông nghiệp;

+ Các công trình cấp điện (do địa phương đảm nhận);

+ Các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước, xây dựng các công trình đô thị và nông thôn;

+ Trường học, trạm y tế xã, trung tâm y tế tỉnh, huyện, cơ sở sinh hoạt văn hóa - thể dục thể thao huyện, tụ điểm dân cư xã và nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản;

+ Các công trình khác như: hỗ trợ chương trình đầu tư cửa khẩu, phòng thủ biên giới ...;

+ Ưu tiên thiết chế văn hóa - thông tin các cấp tỉnh, huyện, xã. Đầu tư tôn tạo các di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến; bảo tồn, giữ gìn và phát huy các di sản thiên nhiên và văn hóa các dân tộc thiểu số;

+ Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội cấp thiết khác;

+ Không bố trí vốn đối với các công trình, dự án được đầu tư bằng trái phiếu Chính phủ; công trình được đầu tư bằng các chương trình, dự án khác: hạ tầng các xã được đầu tư theo Chương trình 135; trường học đã được đầu tư theo Quyết định 159; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt đầu tư theo Quyết định 134...;

- Tiêu chí và phương pháp xác định số điểm áp dụng theo tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối trừ tiêu chí: (1) tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương; (2) tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu từ đất); (3) tiêu chí bổ sung.

3. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng

Về định mức phân bổ vốn:

+ Trồng rừng phòng hộ đặc dụng: 5 triệu đồng/ha (mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định);

+ Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bình quân 2 triệu đồng/ha (mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định);

+ Khuyến khích xây dựng nhà máy chế biến gỗ để tiêu thụ gỗ rừng trồng cho các tỉnh Tây Bắc: hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm được tính từ nhà máy xuống trung tâm tiêu thụ chính là Hà Nội mức hỗ trợ 1.000 đồng/tấn/km trong 5 năm đầu tiên xây dựng nhà máy;

+ Khoán quản lý bảo vệ rừng bình quân 100.000 đồng/ha/năm (mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định);

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có kết hợp trồng bổ sung 1 triệu đồng/ha/6 năm (năm đầu 500.000 đồng/ha);

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng 10% tổng vốn lâm sinh;

+ Vốn quản lý 10% vốn lâm sinh (chủ dự án 8% cấp tỉnh 1,3%, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 0,7%).

Nguyên tắc cân đối vốn:

+ Dự án được phê duyệt, đang thực hiện, theo quy định hiện hành;

+ Theo quy hoạch diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng đã được phê duyệt;

+ Theo quy hoạch diện tích đất trồng để trồng rừng đã được phê duyệt;

+ Theo quy hoạch diện tích rừng được quy hoạch cần khoanh nuôi bảo vệ đã được phê duyệt;

+ Ưu tiên các tỉnh vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và duyên hải miền Trung do khu vực này các địa phương có nhiều diện tích đất trống đồi núi trọc phải trồng rừng, hoặc cần nhiều rừng bảo vệ. Trong vùng ưu tiên các tỉnh nghèo.

4. Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 (Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006)

Chương trình 135 giai đoạn II có 4 nhiệm vụ chủ yếu, tương đương có 4 dự án thành phần:

a) Đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất)

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lao động cho người địa phương: nơi có đất sản xuất thì bồi dưỡng kỹ năng lao động nông nghiệp; những nơi thiếu đất sản xuất, cần đào tạo lao động kết hợp tìm nghề mới như trồng cây công nghiệp ở các nông

lâm trường, tham gia các công trình xây dựng, đào tạo nghề cho thanh niên người dân tộc...;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện một số chương trình sản xuất tại chỗ, bao gồm: Chương trình khuyến nông, khuyến lâm nhằm nâng cao kỹ năng sản xuất: kỹ năng trồng trọt cây lương thực, cây có giá trị kinh tế cao; Chương trình chăn nuôi gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao; Chương trình phát triển trồng và chăm sóc bảo vệ rừng gắn với thị trường; hỗ trợ giống cây, giống con; khai hoang tăng diện tích đất sản xuất; trợ giá, trợ cước các giống cây con, phân bón, thu mua sản phẩm; phát triển các cơ sở chế biến và bảo quản sau thu hoạch theo quy mô nhóm hộ;

- Xây dựng mô hình kinh tế hộ gia đình;

- Xây dựng mối liên kết giữa nhà doanh nghiệp - nhà nông - nhà khoa học - nhà nước - nhà tín dụng.

b) Dự án phát triển cơ sở hạ tầng

- Xây dựng đường dân sinh từ thôn, bản đến trung tâm xã và liên thôn. Nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã (những xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã thực hiện theo Công văn số 709/CP-CN ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ);

- Xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ: đập, kênh mương cấp I, cấp II, trạm bơm, kiên cố hóa các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp kết hợp cấp nước sinh hoạt;

- Hệ thống điện hạ thế đến thôn, bản, nơi chưa có lưới điện sử dụng các dạng năng lượng khác;

- Xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt cộng đồng;

- Xây dựng các trường tiểu học, mẫu giáo ở thôn, bản và trung học cơ sở tập trung ở xã, đồng bộ trang thiết bị, nhà ở giáo viên, công trình phụ trợ (nhà vệ sinh, cấp nước sinh hoạt...). Xây dựng trường bán trú, lớp bán trú dân nuôi ở nơi cần thiết;

- Xây dựng khu phục vụ sinh hoạt cộng đồng tại xã, thôn, bản hoặc cụm thôn, bản có đủ trang thiết bị cần thiết theo tập quán của từng dân tộc (sân chơi, nhà Rông, nhà văn hóa...);

- Xây dựng trạm y tế kiên cố, nâng cấp các trạm y tế bị xuống cấp có đủ trang thiết bị cần thiết và các công trình phụ trợ;

- Xây dựng chợ hoặc cửa hàng mua bán hàng hóa tại nơi có nhu cầu;
- Phủ sóng phát thanh, truyền hình theo làng, cụm làng;
- Xây dựng trạm khuyến nông, khuyến công, làm nơi phổ biến, đào tạo về kiến thức sản xuất, nâng cao quy mô một số công trình: chợ, trường trung học cơ sở nội trú tại xã là trung tâm cụm xã.

c) Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và năng lực cộng đồng

Đối tượng gồm cán bộ chủ chốt của Đảng, chính quyền, đoàn thể, chuyên môn, giám sát, trưởng thôn bản và cộng đồng người hưởng lợi.

d) Hỗ trợ các dịch vụ xã hội, cải thiện nâng cao đời sống nhân dân

- Lòng ghép các chương trình để hỗ trợ để cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường; hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ y tế, văn hóa thông tin, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí;

- Phân loại xã để đầu tư;

- Xã khó khăn nhất: dân số ít, mật độ dân cư thưa thớt, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số cao; đất rộng, địa bàn hiểm trở, diện tích đất lâm nghiệp trên 80% đất tự nhiên; nhiều thôn bản xa xôi, điều kiện sản xuất phân tán, sản xuất chủ yếu là tự cung tự cấp, chưa tạo được sản phẩm hàng hóa; hạ tầng thiếu nhiều, nhất là đường giao thông nối về trung tâm xã; đời sống dân cư thấp, tỷ lệ hộ nghèo trên 50% (theo chuẩn mới), trình độ dân trí thấp, trình độ cán bộ còn yếu. Loại xã này được ưu tiên nhiều hơn và đầu tư liên tục trong 5 năm tới;

- Xã khó khăn trung bình: đặc điểm phức tạp ít hơn loại trên; điều kiện sản xuất, hạ tầng, dân trí có khá hơn nhưng vẫn còn yếu kém; địa phương chưa tự vươn lên được, ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư là chính, địa phương và dân đóng góp một phần;

- Xã khó khăn thấp hơn mức trung bình: nhà nước chỉ hỗ trợ tiếp tục từ 1 đến 3 năm là có thể kết thúc, ra khỏi Chương trình 135. Loại này chỉ hỗ trợ có mức độ.

5. Đối với các khoản đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết

- Từ năm 2007 thực hiện cơ chế thống nhất đối với toàn bộ nguồn thu ngân sách từ xổ số kiến thiết: ngân sách trung ương sẽ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tương ứng với dự toán thu xổ số kiến thiết năm 2007 để đầu tư hạ tầng cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao của các địa phương.

- Khoản bổ sung có mục tiêu này sẽ được ổn định cho cả thời kỳ ổn định ngân sách mới, bắt đầu từ năm 2007.

6. Các khoản bổ sung có mục tiêu khác

a) Chương trình Biển Đông - Hải đảo

- Mục tiêu: Chương trình biển Đông - Hải đảo đầu tư hỗ trợ theo mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh trên hải đảo, các vùng biển: nhằm tăng cường khả năng phòng thủ, kiểm soát và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên các vùng biển, đặc biệt là vùng quần đảo Trường Sa, thềm lục địa phía Nam, các vùng biển, đảo có vị trí chiến lược quan trọng khác; tăng cường quản lý nhà nước trên các vùng biển, bao gồm: vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa theo pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các huyện đảo, xã đảo, các đảo có thể đưa dân ra để kết hợp đáp ứng nhu cầu dân sinh, phát triển kinh tế biển và hải đảo, củng cố quốc phòng an ninh, làm chủ biển, đảo; hỗ trợ ngành thủy sản và các địa phương phát triển nghề cá xa bờ ở các vùng biển trọng yếu; hỗ trợ nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản nhằm tăng cường sự có mặt về dân sự tại các vùng biển, đảo trọng yếu và phục vụ cho yêu cầu công tác đấu tranh ngoại giao, pháp lý về chủ quyền biển, đảo; tuyên truyền giáo dục về biển, đảo;

- Chương trình Biển Đông - Hải đảo bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế biển do lãnh đạo Đảng, nhà nước giao cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện;

- Các mục tiêu hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch của cả nước, của vùng, tỉnh, thành phố và phù hợp với quy hoạch của ngành;

- Không bố trí đồng đều, bình quân đối với tất cả các địa phương. Tập trung đầu tư cho các địa phương có các huyện đảo, xã đảo, các đảo có dân, các đảo cần đưa dân ra sinh sống để phát triển sản xuất, làm chủ đảo và vùng biển; hỗ trợ một số địa phương có điều kiện và yêu cầu cấp bách để phát triển nghề cá xa bờ ở các vùng biển có yêu cầu tăng cường sự có mặt dân sự để làm chủ và quản lý, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia. Ưu tiên hỗ trợ các địa phương nghèo, kinh tế kém phát triển;

- Các địa phương huy động thêm các nguồn vốn khác để đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đạt mục tiêu của chương trình;

- Căn cứ vào nhu cầu do các Bộ, ngành, địa phương đề xuất, khả năng nguồn vốn

Chương trình Biên Đông - Hải đảo trong năm kế hoạch, Ban Chỉ đạo nhà nước về biên đông và các hải đảo thông qua chủ trương đầu tư đối với từng chương trình, dự án;

- Vốn chương trình Biên Đông - Hải đảo phải bố trí đúng mục tiêu, đối tượng, phạm vi và quy mô dự án được duyệt. Những chương trình dự án vượt thời gian, mở rộng quy mô phải được cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương mới được tiếp tục hỗ trợ đầu tư. Trường hợp Bộ, ngành, địa phương tự quyết định mở rộng quy mô đầu tư của dự án thì phải tự cân đối vốn để thực hiện đối với phần mở rộng so với chủ trương ban đầu.

b) Đầu tư theo Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 về việc phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung

- Căn cứ vào mục tiêu đến năm 2010 của Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg; căn cứ vào quy hoạch ngành được phê duyệt; rà soát đánh giá lại đến cuối năm 2005 khả năng đạt được các mục tiêu phải hoàn thành trong năm 2005 theo Quyết định, tỉnh nào chưa đạt thì phải tập trung vốn để đầu tư tiếp để đảm bảo đạt các mục tiêu mà Quyết định 120 đã đề ra cho năm 2010 như sau:

+ Thực hiện xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc;

+ Hoàn thành cơ bản việc đưa dân trở lại biên giới theo quy hoạch và kế hoạch, bảo đảm điều kiện sản xuất và sinh hoạt an toàn, biên giới không còn thôn, bản trống dân;

+ Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh;

+ Hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống đường vành đai biên giới, đường giao thông nội bộ các xã biên giới, đường tuần tra và quản lý biên giới theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt;

+ Phát triển giao lưu kinh tế biên giới, dịch vụ xuất khẩu hàng hóa và du lịch cho cả nước;

+ Giải quyết có hiệu quả các vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc;

+ Đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Ngoài việc rà soát các mục tiêu phải đạt được trong từng năm, còn dựa vào 7 tiêu chí cơ bản của các tỉnh biên giới để làm căn cứ phân bổ vốn đầu tư hàng năm, bao gồm:

- + Diện tích vùng biên giới của các tỉnh;
- + Dân số sinh sống tại vùng biên giới;
- + Số hộ dân sinh sống tại vùng biên giới
- + Chiều dài đường biên giới;
- + Số xã biên giới;
- + Số huyện biên giới;
- + Số đồn biên phòng đã có và dự kiến xây dựng thêm.
- Phương pháp tính toán để xây dựng hệ số điểm làm căn cứ phân bổ vốn:

Cụ thể hóa các tiêu chí tính điểm:

Nguyên tắc: mỗi tiêu chí trên tính là 100 điểm cho cả vùng, từ đó sẽ tính cụ thể ra số điểm của từng tiêu chí đối với từng tỉnh. Trên cơ sở số điểm từng tiêu chí của mỗi tỉnh sẽ tính được tổng số điểm đối với các tiêu chí chính đã nêu trên của từng tỉnh. Từ số điểm này và tổng vốn phân bổ cho Quyết định 120 của từng năm sẽ phân bổ vốn cho từng địa phương: địa phương nào có số điểm cao hơn thì vốn bố trí sẽ nhiều hơn.

c) Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo về đất ở, đất sản xuất, nhà ở và nước sinh hoạt (theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ).

Đối tượng hỗ trợ:

- Là hộ chính sách dân tộc nghèo (theo quy định tại Quyết định số 114/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 01 tháng 11 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội), sinh sống bằng nghề nông lâm nghiệp, nhưng chưa có đủ đất sản xuất, đất ở, có khó khăn về nhà ở nước sinh hoạt (việc hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho đồng bào Khơ-me vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ được thực hiện riêng). Những hộ dân tộc ít người này đang định cư ở địa phương; hộ di dân tự do được đưa vào quy hoạch; hộ di dân tự do nay trở về quê cũ trước thời điểm có Quyết định số 134/QĐ-TTg.

- Thôn, bản là tổ chức được quy định theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nội vụ và có từ 20% dân tộc thiểu số trở lên đang sinh sống và có khó khăn về nước sinh hoạt.

Mức hỗ trợ theo các tiêu chí sau:

- Căn cứ vào đề án đã được phê duyệt, ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ có mục tiêu;

- Hỗ trợ nhằm thực hiện nhiệm vụ tạo quỹ đất sản xuất và đất ở với mức bình quân 5 triệu đồng/ha;

- Hỗ trợ tiền làm nhà ở với mức 5 triệu đồng/hộ;

- Đối với việc giải quyết nước sinh hoạt thì hỗ trợ 0,5 tấn xi măng/hộ để làm bê chứa nước hoặc 300.000 đồng/hộ để đào giếng hoặc tạo nguồn nước sinh hoạt.

Đối với các thôn, bản có 50% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số trở lên thì hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng công trình cấp nước; mức hỗ trợ là 50% kinh phí đối với các thôn, bản có từ 20% đến dưới 50% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số.

Căn cứ phân bổ:

- Theo tiêu chuẩn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các địa phương tổng hợp nhu cầu, xây dựng và phê duyệt đề án. Căn cứ vào đề án do các địa phương phê duyệt, trong đó có mức hỗ trợ của ngân sách trung ương để bố trí vốn ngân sách hàng năm cho việc thực hiện quyết định;

- Năm 2007 tập trung hỗ trợ cho các tỉnh nghèo, khả năng cân đối ngân sách thấp, các tỉnh có nhiều đối tượng thuộc diện hỗ trợ (tập trung ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ);

- Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho thực hiện các nhiệm vụ này, các địa phương phải bố trí không ít hơn 20% số vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện.

d) Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng vùng ATK (Theo Quyết định số 229/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ)

Phạm vi, đối tượng đầu tư:

- Đầu tư cho các vùng ATK theo Quyết định số 229/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ là các vùng ATK do Bộ Quốc phòng quản lý. Vùng ATK là căn cứ chiến lược đặc biệt, phục vụ cho cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và quân đội để lãnh đạo, chỉ huy đất nước khi có chiến tranh hoặc trong trường hợp đặc biệt khác;

- Phạm vi mỗi vùng ATK do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh có vùng ATK đề nghị;

- Đầu tư cho Bộ Quốc phòng để xây dựng, cải tạo, duy tu, sửa chữa, bảo vệ, quản lý các công trình ATK sẵn sàng đưa vào sử dụng;

- Đầu tư cho các địa phương có vùng ATK để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân vùng ATK để nhân dân yên tâm, gắn bó với quê hương, chăm lo bảo vệ căn cứ của trung ương. Bao gồm các nội dung:

- + Đường liên huyện, liên xã;
- + Hệ thống thủy lợi, cấp nước;
- + Hệ thống cấp điện (thuộc địa phương quản lý);
- + Trường học, trạm xá, trung tâm y tế;
- + Nhà văn hóa, trụ sở...

Tiêu chí phân bổ:

- Quy mô diện tích, số xã, dân số vùng ATK;
- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn ATK;
- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn vùng ATK;
- Mức độ phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn ATK (số km đường/10 km² diện tích đất tự nhiên);
- Mức độ phức tạp của địa hình vùng căn cứ;
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch;
- Số xã và tỷ lệ hộ dân được dùng điện lưới quốc gia;
- Số giường bệnh của Trung tâm y tế, trạm y tế xã hội/1.000 dân;
- Mức vốn đầu tư của các nguồn vốn khác cho vùng ATK.

đ) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch:

Đối tượng được hỗ trợ:

- Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các khu du lịch phát huy hiệu quả và để khách du lịch tiếp cận các khu du lịch;
- Các dự án được hỗ trợ phải nằm trong Quy hoạch phát triển du lịch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và hoàn thành đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các dự án hạ tầng du lịch theo nguyên tắc:

- Ưu tiên dự án hạ tầng du lịch tại các khu du lịch tổng hợp Quốc gia và các khu du lịch chuyên đề;
- Đầu tư các dự án hạ tầng du lịch tại các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch miền Trung - Tây Nguyên;
- Chú trọng đầu tư các dự án hạ tầng du lịch nhằm khai thác các điểm du lịch có khả năng thu hút nhiều khách du lịch từ các trung tâm du lịch tới các vùng phụ cận;
- Quan tâm đầu tư dự án hạ tầng du lịch gắn với các điểm, tuyến du lịch thuộc các tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa, các địa phương có tiềm năng du lịch nhưng khó khăn về ngân sách.

Nội dung hỗ trợ:

- Các dự án xây dựng đường giao thông từ trục chính đến khu du lịch;
- Các dự án cấp điện hạ thế phục vụ du lịch;
- Các dự án cấp thoát nước, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;
- Các dự án xây dựng bến cảng du lịch; chống xói mòn của sông, biển, bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu du lịch.

Mức hỗ trợ của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương không quá 50% tổng dự toán xây lắp của một dự án.

+) Đối với các địa phương có 01 khu du lịch tổng hợp quốc gia, hoặc có 02 khu du lịch chuyên đề quốc gia trở lên, hoặc các tỉnh, thành phố là trung tâm phát triển du lịch thuộc địa bàn trọng điểm quốc gia phát triển du lịch, tổng mức hỗ trợ không quá 30 tỷ đồng/năm, nhưng không quá 20 tỷ đồng/dự án;

+ Đối với các địa phương có khu du lịch chuyên đề, tổng mức hỗ trợ không quá 25 tỷ đồng/năm, 1 dự án không quá 15 tỷ đồng;

+ Đối với các địa phương không thuộc mục a hoặc b nói trên và thuộc địa bàn khó khăn, hàng năm nhận bổ sung ngân sách từ Trung ương, tổng mức hỗ trợ không quá 15 tỷ đồng/năm, 1 dự án không quá 10 tỷ đồng;

+ Đối với từng dự án: ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 50% tổng dự toán xây lắp được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các hạng mục công trình du lịch được

hỗ trợ. Đối với Dự án hạ tầng các khu du lịch tổng hợp quốc gia ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 20 tỷ đồng/dự án; đối với Dự án hạ tầng các khu du lịch chuyên đề, ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 15 tỷ đồng/dự án; đối với dự án hạ tầng các khu du lịch thuộc địa bàn khó khăn, ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án.

e) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng làng nghề

Tiêu chí và đối tượng:

Các địa phương và các dự án được hỗ trợ theo các tiêu chí sau:

+ Các địa phương có làng nghề truyền thống có các dự án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống, có nhiều sản phẩm tham gia xuất khẩu và phát triển du lịch; các dự án làng nghề gắn kết với xử lý môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các làng nghề, khu vực làng nghề;

+ Các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn có tỷ lệ ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương lớn hơn 50% tổng dự toán chi cân đối ngân sách địa phương;

+ Các dự án được hỗ trợ phải hoàn thành đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng đường giao thông nội bộ trong các làng nghề, hoặc từ các đường trục chính đến các làng nghề;

+ Xây dựng công trình cấp nước và xử lý nước thải bảo vệ môi trường;

+ Xây dựng nhà trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các làng nghề;

+ Xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp làng nghề, các cụm tiểu thủ công nghiệp.

Mức hỗ trợ:

+ Các tỉnh có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc phát triển làng nghề truyền thống và là địa phương nghèo, hàng năm phải nhận bổ sung từ ngân sách trung ương: mức hỗ trợ không quá 6 tỷ đồng/năm;

+ Các tỉnh còn lại: mức hỗ trợ không quá 4 tỷ đồng/năm;

+ Các địa phương có từ 30 làng nghề trở lên căn cứ theo điều tra lập bản đồ ngành, nghề thủ công toàn quốc năm 2002.

f) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung

(Theo Quyết định số 224/1999/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999 - 2010).

Nội dung đầu tư:

Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các vùng nuôi tập trung gồm: đê bao, kênh cấp và thoát nước cấp I, cống và trạm bơm lớn, xây dựng các trạm quan trắc, dự báo môi trường, kiểm dịch. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia. Đào tạo nguồn nhân lực. Hoạt động khuyến ngư. Quản lý, điều hành hoạt động của chương trình.

Tiêu chí phân bổ vốn:

Hỗ trợ cho dân để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập tạo đà cho nền sản xuất tập trung hàng hóa tăng nhanh xuất khẩu.

- Chỉ hỗ trợ cho các tỉnh khó khăn;
- Mức hỗ trợ cho từng tỉnh tùy theo quy mô và diện tích chuyển đổi của tỉnh đã phê duyệt và quy mô diện tích chuyển đổi địa phương báo cáo trong năm kế hoạch;
- Ưu tiên bố trí nhiều hơn các tỉnh có tiềm năng nuôi trồng thủy sản nhưng chưa phát huy được vì khó khăn nguồn vốn;
- Hỗ trợ đầu tư các dự án có tác động mạnh trong việc xóa đói, giảm nghèo;
- Hỗ trợ các tỉnh nghèo có nhiều tiềm năng thủy sản nhưng chưa phát huy được;
- Hỗ trợ các tỉnh mới phát triển nuôi trồng cần có mô hình khuyến khích động viên nông dân chuyển đổi;
- Hỗ trợ các dự án triển khai ở vùng có nhu cầu cấp bách chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp sang thủy sản;
- Hỗ trợ các mô hình mới, sản phẩm thủy sản mới có giá trị cao, khối lượng sản phẩm lớn và có khả năng xuất khẩu lớn.

g) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phát triển giống thủy sản

(Theo Quyết định số 112/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển giống thủy sản đến năm 2010).

Về mục tiêu:

+ Nâng cao năng lực nghiên cứu, phấn đấu từng bước làm chủ công nghệ sản xuất giống để thành lập tập đoàn giống thủy sản đa dạng, có giá trị kinh tế và xuất khẩu, phục vụ phát triển nuôi trồng ở các vùng sinh thái nước ngọt, nước mặn và nước lợ;

+ Hoàn thiện và từng bước hiện đại hóa hệ thống sản xuất giống thủy sản hàng hóa nhằm chủ động đáp ứng đủ giống tốt, kịp thời vụ, đa dạng về giống loài thủy sản nuôi, phục vụ cho phát triển nuôi trồng thủy sản và chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả và bền vững.

Đối tượng hỗ trợ:

Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của các trung tâm giống thủy sản, bao gồm 6 trung tâm giống quốc gia, 16 trung tâm giống thủy sản cấp I của địa phương.

Nội dung đầu tư:

Xây dựng cơ sở hạ tầng các trung tâm quốc gia giống thủy sản, hỗ trợ xây dựng trung tâm giống thủy sản cấp I, hỗ trợ một phần cho xây dựng trung tâm giống thủy sản của các địa phương miền núi kinh tế còn nhiều khó khăn, thu ngân sách thấp, hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu của các khu sản xuất giống thủy sản tập trung (đường giao thông, hệ thống cung cấp nước cho sản xuất và xử lý nước thải, thiết bị kiểm dịch chất lượng giống), nghiên cứu khoa học; nhập các đối tượng nuôi mới, công nghệ mới.

Tiêu chí phân bổ:

- Căn cứ vào danh mục các trung tâm giống đã được xác định trong Quyết định số 112/2004/QĐ-TTg, bao gồm 6 trung tâm giống quốc gia trên 3 miền Bắc, Trung, Nam (mỗi miền 1 trung tâm giống thủy sản mặn lợ và 1 trung tâm giống nước ngọt) 16 trung tâm giống thủy sản cấp I (5 trung tâm nước mặn lợ và 11 trung tâm giống nước ngọt); 6 khu sản xuất giống thủy sản tập trung theo hướng công nghiệp ...;

- Căn cứ vào dự án đầu tư được duyệt theo tiêu chuẩn ngành thủy sản;

- Ưu tiên các công trình tiếp tục bố trí dứt điểm để đưa vào sử dụng theo tiến độ và thời hạn quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng;

- Đối với các trung tâm giống tỉnh hỗ trợ mức 5 tỷ đồng một trung tâm (50%), dự án nào năm trước đã hỗ trợ nhiều, năm sau sẽ hỗ trợ ít; mỗi tỉnh một trung tâm.

h) Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc chương trình phân lũ, chậm lũ

+ Các công trình phải nằm trong vùng phân lũ, chậm lũ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 132/QĐ-TTg, bao gồm các tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hà Nam, Ninh Bình, Hòa Bình và một số xã thuộc tỉnh bị ảnh hưởng khi phân lũ, chậm lũ;

+ Dựa trên quy hoạch đầu tư vùng phân lũ, chậm lũ đã được phê duyệt theo đúng quy định;

+ Ưu tiên, tập trung cho các công trình, dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm của một số vùng phân lũ, chậm lũ có công trình đường quy mô lớn xây dựng kết hợp các đường giao thông (Phú Thọ, Hà Nam); các công trình cấp bách như: đường cứu hộ, cứu nạn, cột thủy trí, trạm xá, trường học ...;

+ Ưu tiên những công trình đang đầu tư dở dang.

i) Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện khó khăn

Các dự án được hỗ trợ đầu tư phải phù hợp với Quyết định số 183/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Nguyên tắc hỗ trợ:

+ Khu công nghiệp của các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương so với chi cân đối ngân sách địa phương lớn hơn 60%;

+ Tỷ trọng công nghiệp trong GDP của địa phương thấp hơn tỷ trọng công nghiệp trong GDP của cả nước ít nhất 10%;

Các điều kiện nêu trên được xác định trên cơ sở số liệu của năm trước thời điểm tổ chức thẩm tra dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (gọi chung là dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp) hoặc thời điểm các Bộ, ngành xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đã được cho phép đầu tư.

Đối tượng hỗ trợ:

Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại các địa phương đáp ứng các điều kiện nêu trên phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Khu công nghiệp nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc đã cho phép bổ sung vào quy hoạch trong từng thời kỳ;

+ Khu công nghiệp có vị trí quan trọng trong việc thu hút đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, phát huy tiềm năng những ngành, nghề có thế mạnh và lợi thế so sánh của địa phương, thực hiện mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào khu công nghiệp.

Tiêu chí hỗ trợ:

Mức hỗ trợ vốn ngân sách trung ương cho việc xây dựng hạ tầng khu công nghiệp tối đa không quá 60 tỷ đồng cho 1 khu công nghiệp do tỉnh lựa chọn và thực hiện chủ yếu cho các hạng mục, công trình sau đây:

+ Đền bù, giải phóng mặt bằng.

+ Công trình xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

k) Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã nghèo vùng bãi ngang ven biển (theo Quyết định số 257/2003/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2003 và Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

+ Đối tượng hỗ trợ: bao gồm 157 xã của 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 257/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Cơ chế đầu tư và mức hỗ trợ vốn đầu tư: được thực hiện theo cơ chế và mức hỗ trợ đầu tư cho xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa quy định tại Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể ngân sách trung ương hỗ trợ 500 triệu đồng/năm/xã.

l) Hỗ trợ kết cấu hạ tầng thương mại

- Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu:

Mục tiêu hỗ trợ:

+ Hỗ trợ các địa phương xây dựng kết cấu hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu biên giới nhằm thúc đẩy tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng thu ngân sách và tăng cường giao lưu thương mại giữa hai nước chung biên giới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống dân cư và bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới;

+ Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng tập trung vào các khu kinh tế cửa khẩu có tiềm năng phát triển, có vị trí quan trọng trong xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh tạo nguồn thu cho ngân sách nhưng hệ thống kết cấu hạ tầng còn yếu kém.

Điều kiện hỗ trợ:

+ Các địa phương có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập khu kinh tế cửa khẩu;

+ Các cửa khẩu có quy hoạch chi tiết khu kinh tế cửa khẩu đã được phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001 và Quyết định số 273/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Có danh mục các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng theo quy hoạch chi tiết và xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư;

+ Có kế hoạch đầu tư và đầy đủ thủ tục đầu tư.

Tiêu chí bố trí vốn:

Nguyên tắc chung:

+ Hỗ trợ các tỉnh nghèo, nguồn thu ngân sách hàng năm thấp, có khó khăn trong cân đối vốn;

+ Ưu tiên hỗ trợ vốn cho các tỉnh có tiềm năng phát triển, có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn, nhưng hệ thống kết cấu hạ tầng còn yếu kém; các khu kinh tế cửa khẩu có quyết định cơ chế đầu tư riêng của Thủ tướng Chính phủ;

+ Việc sắp xếp mức ưu tiên các tỉnh nghèo dựa trên tỷ lệ giữa khoản thu ngân sách địa phương (thu nội địa sau khi đã trừ đi phần thu ngân sách trung ương 100%, khoản thu điều tiết về ngân sách trung ương) và khoản chi ngân sách địa phương;

+ Mức hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương đối với các khu kinh tế cửa khẩu căn cứ vào các dự án đầu tư cụ thể, mức độ khó khăn của địa phương và khả năng ngân sách trung ương hàng năm.

Tiêu chí cụ thể: mức vốn cụ thể được xác định tương ứng với số điểm đạt được của tỉnh tính theo các tiêu chí cụ thể sau:

Tiêu chí tỉnh khó khăn:

+ Các tỉnh có tỷ lệ thu/chi là 50%: được 5 điểm;

+ Các tỉnh khó khăn hơn có tỷ lệ thu/chi thấp hơn 50% thì cứ giảm 1% được cộng thêm 0,4 điểm.

Các tỉnh có tiềm năng phát triển:

+ Kim ngạch xuất nhập khẩu: tỉnh có kim ngạch xuất nhập khẩu dưới 100 triệu USD: được 5 điểm. Cứ 10 triệu USD tăng thêm được cộng 0,1 điểm tương ứng;

+ Tỉnh có cửa khẩu quốc tế được cộng số điểm là 0,5 điểm.

Điểm của từng tỉnh là:

. Gọi số điểm tỉnh nghèo thứ i là A_i .

. Gọi số điểm kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh thứ i là B_i .

. Gọi số điểm cửa khẩu quốc tế là C_i .

Tổng số điểm của từng địa phương là:

$$X_i = A_i + B_i + C_i$$

Tổng số điểm để phân bổ vốn của các địa phương là:

$$Q = \sum_{i=1}^n X_i$$

Vốn bổ sung có mục tiêu của từng tỉnh:

. Gọi số vốn bổ sung có mục tiêu để xây dựng kết cấu hạ tầng của từng năm là Y ;

. Gọi số vốn bổ sung có mục tiêu của chương trình của tỉnh thứ i là T_i . Vốn bổ sung có mục tiêu của từng thứ i là:

$$T_i = X_i * \frac{Y}{Q}$$

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng chợ

Đối tượng hỗ trợ

Các địa phương và các dự án được hỗ trợ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

+ Các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn có tỷ lệ ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương lớn hơn 50% tổng dự toán chi ngân sách địa phương;

+ Các dự án chợ đầu mối của các vùng kinh tế trọng điểm, vùng có sản xuất hàng hóa nông sản, hải sản lớn phục vụ phát triển kinh tế vùng và xuất khẩu theo quy định của Bộ Thương mại, được đặt tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nói trên;

+ Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng chợ nằm trong quy hoạch chợ đã được phê duyệt và hoàn thành đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

Nội dung hỗ trợ

- + Xây dựng đường giao thông từ đường trục chính vào chợ;
- + San lấp mặt bằng chợ;
- + Xây dựng công trình cấp nước, xử lý nước thải của chợ;
- + Các công trình hạ tầng khác của chợ.

Mức hỗ trợ:

- Đối với các chợ đầu mối vùng theo quy định của Bộ Thương mại: hỗ trợ 1 lần không quá 10 tỷ đồng/dự án xây dựng hạ tầng chợ;

- Đối với các chợ đầu mối nông sản tại các địa phương:

+ Các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương trên 80% tổng chi cân đối ngân sách địa phương): mức hỗ trợ không quá 3 tỷ đồng/năm;

+ Các địa phương còn lại: mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/năm.

m) Hỗ trợ xây dựng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện tiêu chuẩn định mức sử dụng trụ sở do Chính phủ quy định.

Mục tiêu: thực hiện mục tiêu đầu tư xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để đến năm 2010 đảm bảo trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã có đủ điều kiện làm việc về diện tích và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

Cơ chế hỗ trợ: chỉ bố trí hỗ trợ các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách hàng năm, các địa phương cân đối được ngân sách sẽ bố trí ngân sách địa phương để đầu tư. Ưu tiên hỗ trợ các xã, phường, thị trấn mới chia tách, các xã chưa có trụ sở hiện vẫn phải đi thuê địa điểm làm việc. Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, thực hiện hỗ trợ như sau:

- Đối với trụ sở các Ủy ban nhân dân xã ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng bãi ngang ven biển hỗ trợ 100%;

- Đối với trụ sở các xã còn lại hỗ trợ 70%.

Tiêu chí và đối tượng phân bổ: căn cứ vào số lượng và thứ tự ưu tiên bao gồm: số lượng xã chưa có trụ sở Ủy ban nhân dân; số lượng trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường bị xuống cấp nghiêm trọng, không an toàn cho người sử dụng; số lượng trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường chưa đáp ứng điều kiện làm việc, cần phải tiến hành cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

n) Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh

Bệnh viện đa khoa tỉnh:

+ Tập trung hỗ trợ bệnh viện các địa phương mới chia tách, các bệnh viện tỉnh đang đầu tư để sớm đưa vào sử dụng, bệnh viện tỉnh đã có quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế của khoa hồi sức cấp cứu và sản nhi của hệ thống y tế tuyến tỉnh.

+ Các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên: ngân sách trung ương hỗ trợ 70% vốn để xây lắp, 100% vốn để mua sắm trang thiết bị;

+ Các tỉnh đồng bằng: ngân sách trung ương hỗ trợ 50% vốn xây lắp và 70% vốn mua sắm thiết bị;

+ Hỗ trợ 50% vốn cả xây lắp và trang thiết bị cho các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Dương, Cần Thơ;

+ Hỗ trợ 50% vốn mua sắm trang thiết bị cho các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai.

Bệnh viện huyện, bệnh viện đa khoa khu vực:

+ Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để ưu tiên nâng cấp một số bệnh viện huyện, bệnh viện đa khoa khu vực bao gồm cả phòng khám đa khoa khu vực thuộc các vùng khó khăn, các huyện mới chia tách;

+ Ưu tiên đầu tư các bệnh viện huyện có cơ sở vật chất và trang thiết bị đã quá xuống cấp nhưng chưa được đầu tư nâng cấp của Nhà nước và các dự án ODA, đặc biệt ở các bệnh viện huyện vùng núi, trung du Bắc Bộ, duyên hải miền Trung, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa ở quá xa bệnh viện tỉnh, vùng biên giới khó khăn, đồng bào dân tộc ít người và các tỉnh có địa bàn rộng đông dân cư;

+ Ưu tiên đầu tư cho các bệnh viện huyện theo quy hoạch sẽ được nâng cấp thành bệnh viện đa khoa khu vực;

+ Ưu tiên đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở đã đáp ứng được các yếu tố cơ sở hạ tầng, nhà cửa và con người; nhưng còn thiếu thiết bị.

- Mức hỗ trợ:

+ Các bệnh viện ở các huyện miền núi: ngân sách trung ương hỗ trợ 100%;

+ Các bệnh viện ở các huyện, thị xã đồng bằng thuộc các tỉnh miền núi: ngân sách trung ương hỗ trợ 80%, ngân sách địa phương bố trí 20%;

+ Các bệnh viện ở các huyện thuộc các tỉnh còn lại: ngân sách trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách địa phương bố trí 30%;

+ Riêng đối với 9 tỉnh, thành phố có nguồn thu lớn gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Cần Thơ, Bình Dương do địa phương tự cân đối ngân sách; ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ cho một số bệnh viện huyện miền núi, hải đảo của địa phương và một số bệnh viện huyện theo quy hoạch sẽ trở thành bệnh viện đa khoa khu vực.

o) Hỗ trợ đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng và các công trình văn hóa (hỗ trợ thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá).

+ Các địa phương có di tích văn hóa đặc biệt quan trọng được phê duyệt nằm trong dự án quy hoạch tổng thể: Đền Hùng, Cổ Loa, Côn Đảo, Kim Liên, Hoa Lư ...;

+ Các di tích trong danh mục di tích đặc biệt quan trọng cấp quốc gia (32 di tích) thuộc đề án huy động vốn tu bổ tôn tạo di tích;

- Các di tích được công nhận là di sản văn hóa thế giới: Huế, Mỹ Sơn, Hội An... Các di tích quan trọng nằm trong các tuyến tham quan du lịch quốc gia chưa được đầu tư hoàn chỉnh;

+ Các trung tâm văn hóa vùng theo quyết định của Chính phủ và các tỉnh mới chia tách.

p) Hỗ trợ đầu tư phủ sóng phát thanh truyền hình

+ Đối với phát thanh truyền hình ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền Trung: hỗ trợ kinh phí mở rộng diện phủ sóng phát thanh truyền hình thông qua việc đầu tư nâng cấp các máy phát hình, triển khai lắp đặt các trạm truyền thanh, truyền hình, cung cấp các đầu thu trực tiếp từ vệ tinh cho các nơi sóng của

đài trung ương, đài tỉnh chưa phủ tới hoặc tín hiệu chưa đạt tiêu chuẩn, dân không xem được;

+ Hỗ trợ các đài phát thanh truyền hình các tỉnh nâng cấp thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình tiếng dân tộc: ưu tiên cho các tỉnh miền núi, có nhiều đồng bào dân tộc. Số thiết bị đầu tư theo định mức cho đài tỉnh có thể sản xuất 1 giờ chương trình phát thanh và 30 phút chương trình truyền hình trong 1 tuần (khoảng 10 tỷ đồng);

+ Hỗ trợ các đài phát thanh truyền hình tỉnh nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình lưu động: đó là các tỉnh đang phải đối mặt với những vấn đề phức tạp như: trật tự an toàn xã hội và các địa phương đặc biệt khó khăn. Định mức dự kiến 3 đến 5 tỷ đồng.

q) Hỗ trợ đầu tư các trung tâm giáo dục, lao động xã hội

Về nguyên tắc: ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho ngân sách địa phương, không đầu tư cho toàn bộ dự án.

Các địa phương thuộc diện hàng năm ngân sách trung ương phải bổ sung cân đối trên 70% cho ngân sách địa phương thì được hỗ trợ không quá 80% tổng vốn dự án. Các địa phương thuộc diện hàng năm ngân sách trung ương phải bổ sung cân đối từ 50% đến 70% ngân sách địa phương thì được hỗ trợ không quá 50% tổng vốn dự án. Các địa phương chưa có trung tâm giáo dục, lao động xã hội được xem xét hỗ trợ trước, ưu tiên những địa phương có số lượng người nghiện cao, nhưng các cơ sở cai nghiện chỉ đáp ứng một phần nhu cầu.

r) Hỗ trợ các dự án thể thao do địa phương quản lý

+ Các địa phương chưa đủ 3 công trình thể thao cơ bản đó là sân vận động; nhà thể thao; bể bơi. Đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long;

Các địa phương có nhiều khó khăn, nhưng có khả năng đào tạo cung cấp vận động viên cho các đội tuyển quốc gia như Thái Nguyên, Nghệ An, Hà Tĩnh...;

+ Các địa phương có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức đại hội thể dục thể thao toàn quốc, hội khỏe Phù Đổng, các hoạt động thể thao quốc tế lớn như: đại hội thể thao châu Á năm 2009, đại hội thể thao sinh viên Đông Nam Á lần thứ 13 năm 2006 tại Việt Nam, đại hội thể thao châu Á tại Việt Nam dự kiến vào năm 2018.

s) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao

Nguyên tắc hỗ trợ:

Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng đầu mối, không sinh lời, khó thu hồi vốn cho các khu công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đã có quy hoạch chi tiết các khu chức năng được phê duyệt.

Tiêu chí và đối tượng phân bổ:

- Hỗ trợ vốn để rà phá bom mìn, đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng khu tái định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng gồm các hạng mục công trình như: các tuyến đường trục chính, đường khu vực trong khu công nghệ cao; khu xử lý nước; trụ sở làm việc của Ban Quản lý Khu công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật khu đào tạo, nghiên cứu - phát triển, xây dựng vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao;

- Các hạng mục có khả năng thu hồi vốn như: cấp nước, cấp điện... được huy động đầu tư từ các doanh nghiệp chuyên ngành;

- Kế hoạch bố trí vốn tùy thuộc vào các dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Đối tượng ưu tiên: khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh;

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước khu xử lý nước thải và xây dựng các tuyến đường trục chính trong khu công nghệ cao Hòa Lạc, và hỗ trợ đầu tư khu công nghệ cao tại thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

t) Chương trình quản lý bảo vệ biên giới đất liền

Đối tượng đầu tư

- Bộ Quốc phòng xây dựng các đồn, trạm biên phòng, hệ thống cấp điện, cấp nước sinh hoạt cho đồn biên phòng gắn với cụm dân cư, cơ sở hạ tầng các Khu kinh tế quốc phòng (khu vực các xã biên giới).

- Địa phương:

+ Xây dựng cụm dân cư gắn với đồn biên phòng mới thành lập, mới di chuyển;

+ Xây dựng một số tuyến giao thông trọng yếu phục vụ quản lý, bảo vệ biên giới kết hợp nhu cầu cấp bách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (các tuyến không thuộc quy hoạch hệ thống đường tuần tra biên giới của Bộ Quốc phòng);

+ Kè bờ sông suối biên giới trọng yếu.



Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư

- Diện tích các xã biên giới;
- Dân cư (số hộ, nhân khẩu) tại các xã biên giới;
- Chiều dài biên giới;
- Số đồn mới thành lập, mới di chuyển mà cần phải hình thành các cụm dân cư;
- Số đồn biên phòng chưa được cấp điện, nước cho đồn biên phòng và cụm dân cư gắn với đồn biên phòng;
- Khu vực biên giới bố trí cụm dân cư theo quy hoạch được duyệt;
- Địa bàn có khu kinh tế cửa quốc phòng tại các xã biên giới.

u) Chương trình đầu tư các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

Mục tiêu đầu tư:

Từ nay đến năm 2010, ngân sách trung ương sẽ tập trung đầu tư hoàn thành 13 khu tránh bão cấp vùng và các khu tránh bão cấp địa phương đang triển khai dở dang, bao gồm: các cụm công trình theo đúng quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Nguyên tắc bố trí vốn:

- Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các dự án nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định;
- Bố trí theo dự án đầu tư, mức bố trí theo tiến độ xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách trung ương;
- Ưu tiên bố trí vốn trước hết cho các công trình dở dang có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch;
- Ưu tiên bố trí vốn cho các tỉnh thuộc Vịnh Bắc Bộ để thực hiện Hiệp định đánh cá chung Việt Nam - Trung Quốc;
- Ưu tiên bố trí vốn cho các tỉnh có lượng tàu đánh bắt hải sản lớn, khu vực gần ngư trường trọng điểm và khu vực có tần suất bão cao.

v) Chương trình đê biển từ Quảng Ninh - Quảng Nam

Mục tiêu đầu tư:

Từ nay đến năm 2010, ngân sách trung ương hỗ trợ tập trung đầu tư hoàn thành

các tuyến đê biển cấp bách, xung yếu bảo vệ các khu dân cư tập trung, các vùng kinh tế quan trọng, đảm bảo không bị vỡ khi gặp bão đến cấp 12.

Nguyên tắc phân bổ vốn:

- Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các dự án nằm trong quy hoạch, đã có được sự thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kỹ thuật, đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định;

- Bố trí vốn theo dự án đầu tư được phê duyệt, mức bố trí theo tiến độ xây dựng công trình được phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên bố trí vốn trước hết cho các công trình dở dang có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm.

x) Hỗ trợ một phần vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý

Mục tiêu và nguyên tắc:

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương trong việc huy động đủ và kịp thời vốn đối ứng nhằm đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các dự án ODA trong kế hoạch Nhà nước, tăng khả năng giải ngân nguồn vốn ODA của khối địa phương;

+ Việc đẩy nhanh tốc độ giải ngân ODA rất quan trọng nhằm đưa nhanh các công trình cấp thiết vào phục vụ nền kinh tế - xã hội, đồng thời đảm bảo độ tin cậy đối với các nhà tài trợ, từ đó tăng khả năng thu hút ODA trong các năm tiếp theo;

+ Trong điều kiện nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương có hạn, căn cứ vào khả năng huy động vốn đối ứng cụ thể hay mức độ khó khăn của các địa phương để bố trí vốn hỗ trợ hợp lý;

+ Việc phân bổ vốn đối ứng hỗ trợ cho các dự án ODA được thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng đầu tư và theo tỷ lệ % so với nguồn vốn tài trợ của nước ngoài nhằm đảm bảo tiến độ dự án.

Điều kiện hỗ trợ:

+ Các dự án ODA được thực hiện trong kế hoạch Nhà nước hàng năm, do các địa phương trực tiếp quản lý, làm chủ dự án; hiệp định, văn kiện dự án đã được ký với nhà tài trợ hoặc các địa phương làm đầu mối thanh toán vốn nước ngoài;

+ Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại), không bố trí vốn đối ứng cho các dự án trong sử dụng kinh phí sự nghiệp hoặc cho vay lại;

+ Đối với các dự án ODA tổng hợp (gồm nhiều lĩnh vực, nhiều cấu phần), chỉ tập trung hỗ trợ phần đầu tư phát triển.

Tiêu chí phân bổ:

Việc phân bổ vốn đối ứng được xem xét tùy thuộc vào khả năng huy động vốn đối ứng của các địa phương, trừ các tỉnh, thành phố có khả năng tự cân đối được ngân sách, có các khoản thu điều tiết về Trung ương;

- Việc hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương được tập trung cho các tỉnh nghèo, nguồn thu ngân sách hàng năm thấp, có nhiều khó khăn trong huy động vốn đối ứng;

- Tập trung hỗ trợ đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA thuộc lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân, phát triển nông nghiệp nông thôn, cơ sở hạ tầng nông thôn, y tế, cấp thoát nước và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường;

- Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên của các địa phương theo tỷ lệ cân đối thu ngân sách địa phương và chi cân đối ngân sách địa phương.

Đối tượng và mức hỗ trợ:

- Ưu tiên 1: các tỉnh đặc biệt khó khăn có tỷ lệ thu/chi dưới 20%, mức hỗ trợ 100%;

- Ưu tiên 2: các tỉnh khó khăn có tỷ lệ thu/chi từ trên 20% đến 40%, mức hỗ trợ 80%;

- Ưu tiên 3: các tỉnh có tỷ lệ thu/chi từ trên 40% đến 60%: mức hỗ trợ 60%;

- Ưu tiên 4: các tỉnh có tỷ lệ thu/chi từ trên 60%, căn cứ vào khả năng ngân sách để hỗ trợ với mức không quá 40%;

y) Đầu tư theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về hệ thống tư pháp.

Nguyên tắc đầu tư:

+ Các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 08-NQ/TW phải nằm trong quy hoạch tổng thể đầu tư xây dựng trụ sở các cơ quan tư pháp giai đoạn 2006 - 2010 phù hợp với điều kiện kinh tế đất nước, với lộ trình hợp lý;

+ Tập trung đầu tư xây dựng trụ sở các cơ quan tư pháp ở các tỉnh, huyện mới thành lập; chưa đầu tư cho những trụ sở của các cơ quan tư pháp đã được xây dựng và đưa vào sử dụng trong khoảng thời gian từ 1995 nếu như đã bị xuống cấp

nghiêm trọng, không an toàn cho người sử dụng, diện tích làm việc đạt dưới 70% so với tiêu chuẩn, định mức quy định về sử dụng trụ sở làm việc.

Tiêu chí phân bổ:

- Bố trí đủ vốn đầu tư để hoàn thành đúng thời hạn quy định cho các dự án nhóm B, nhóm C chuyển tiếp từ năm 2005;
- Đầu tư xây dựng lại, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trụ sở cơ quan tư pháp đã đưa vào sử dụng trước năm 1995 nếu như đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Ưu tiên vốn đầu tư cho các dự án xây dựng trụ sở cơ quan tư pháp cấp huyện được giao tăng thẩm quyền;
- Riêng dự án 611 (do Bộ Công an quản lý) đảm bảo hoàn thành dự án theo tiến độ đã được phê duyệt, đặc biệt ưu tiên dự án T30;
- Bố trí vốn để hỗ trợ đầu tư các dự án xây dựng các cơ quan tư pháp phải di chuyển địa điểm do thay đổi quy hoạch xây dựng của địa phương;
- Bố trí vốn để hỗ trợ đầu tư các dự án xây dựng trụ sở các cơ quan tư pháp thuộc đề án mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đến năm 2005 phải hoàn thành (đến nay còn 288 trụ sở cần phải tiếp tục đầu tư)/.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng